

VỀ CÁC NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TRONG NỀN KINH TẾ TRI THỨC

TS. PHẠM QUỐC TRUNG

Vào những năm cuối của thế kỷ XX – và đầu thế kỷ XXI, toàn thế giới dường như bị thu hút bởi sự xuất hiện, vận động và phát triển của một loại hình kinh tế mới – kinh tế tri thức.

Cho đến nay, mặc dù đã có nhiều cuộc hội thảo, bài viết... bàn đến, song khái niệm kinh tế tri thức vẫn là tiêu điểm của các cuộc thảo luận và chủ đề của các chương trình nghiên cứu.

Như chúng ta đã biết, từ những năm 1970 trở lại đây, tiến bộ khoa học kỹ thuật dần trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của kinh tế. Nhận định "khoa học là lực lượng sản xuất trực tiếp" đang được hiện thực hóa. Cuộc tranh trên thế giới ngày nay ngày càng chủ yếu dựa trên cơ sở khoa học kỹ thuật - đặc biệt là khoa học kỹ thuật cao. Đầu thế kỷ XX, nhân tố khoa học kỹ thuật mới chỉ chiếm từ 5 đến 20% trong sự tăng trưởng của GDP, đến thập kỷ 50 và 60 tỷ lệ này là 50% và đến thập kỷ 80 con số này đã tăng lên tới 80%. Các chuyên gia còn dự đoán cùng với việc triển khai toàn diện xa lộ thông tin toàn cầu, tỷ trọng cống hiến của tri thức đối với sự tăng trưởng kinh tế sẽ tăng lên đến 90%. Sự quá độ từ nền kinh tế công nghiệp chuyển sang nền kinh tế tri thức là xu thế lớn, do đó sẽ nảy sinh nhiều ảnh hưởng to lớn và sâu sắc đối với mọi quốc gia.

Sự phát triển kinh tế trong nền kinh tế tri thức trực tiếp lệ thuộc vào việc đầu tư

cho tri thức. Tri thức có thể làm tăng năng suất của các yếu tố cổ điển (như đất đai, lao động, vốn tư bản, nguyên, nhiên, vật liệu,...); đem lại kỹ năng phối hợp các yếu tố sản xuất nhằm sáng tạo ra những sản phẩm, các loại hình dịch vụ mới và các công nghệ mới có hàm lượng trí tuệ cao hơn; cải tiến quá trình sản xuất...

Vì là nền kinh tế chủ yếu dựa trên nền tảng tri thức, nên vai trò của nguồn lực con người có tri thức phải được đặt ở vị trí trung tâm của sự phát triển.

Từ giữa thế kỷ XX, cùng với sự phát triển nhanh chóng của khoa học – kỹ thuật thì mối quan hệ giữa khoa học kỹ thuật và sản xuất đã có thay đổi căn bản. Sự phát triển của sản xuất ngày

càng gắn bó chặt chẽ vào tiến bộ khoa học kỹ thuật. Khoa học kỹ thuật tác động và thẩm thấu vào người lao động, tư liệu lao động và đối tượng lao động trong quá trình sản xuất, nâng cao chất lượng và hiệu quả của các yếu tố sản xuất, cải thiện trình độ tổ chức, quản lý vi mô và vĩ mô nền sản xuất xã hội, đồng thời chuyển hóa thành lực lượng sản xuất trực tiếp hiện thực, từ đó thúc đẩy nền sản xuất xã hội phát triển. Tiến bộ khoa học kỹ thuật ngày càng trở thành nhân tố thường xuyên thúc đẩy phát triển và tăng trưởng kinh tế. Chính mô hình tăng trưởng kinh tế của trường phái chủ nghĩa tự do mới đã khẳng định "Thuyết tiến bộ kỹ thuật quyết định" là thuyết phản ánh sự tăng trưởng kinh tế trong nền kinh tế cận – hiện đại, nhân tố con người đã dần thay thế nhân tố vật và đang ngày càng trở thành nhân tố quyết định chủ yếu đối với tăng trưởng kinh tế.

Cùng với tiến trình đó, tăng trưởng kinh tế không còn là sự tăng thêm về quy mô sản lượng như các quan niệm trước đây nữa, mà phải là sự tăng lên về hàm lượng các lao động trí lực được sử dụng. Biểu hiện phổ biến của tăng trưởng kinh tế thời kỳ này là sự gia tăng khối lượng thông tin và các tài sản vô hình.

Kể từ thập kỷ 90 trở đi, ở hầu hết các nước tư bản chủ nghĩa phát triển như Mỹ, Nhật và Tây Âu đều khẳng định rằng trí tuệ có tính sáng



Kiểm tra hệ thống rơle bảo vệ Nhà máy Thủy điện Jaly

tạo sẽ là nền tảng của sự thịnh vượng và giàu có.

Năm 1995, khi phân loại đánh giá sự giàu có của một nước, Ngân hàng Thế giới không còn dựa trên các chỉ tiêu thu nhập đơn thuần nữa mà đã căn cứ vào tập hợp các chỉ tiêu về toàn bộ nguồn lực sẵn có (các tài nguyên thiên nhiên, các nguồn lực con người,... và các trang thiết bị).

Theo các quan điểm đó, nền kinh tế tri thức thực chất là một "Nền kinh tế xử lý thông tin" (Information - Processing Economy), trong đó nguồn nhân lực có trình độ cao, cùng với hạ tầng cơ sở thông tin quốc gia, các mạng máy tính và các công nghệ thông tin, truyền thông và viễn thông là những yếu tố cơ bản và mang tính chiến lược. Nghiên cứu khoa học và đào tạo chính quy là cơ sở để tạo ra của cải cho xã hội. Việc tổ chức về mặt kinh tế và xã hội sẽ ngày càng định hướng mạnh mẽ và quy tụ vào việc sử dụng thông tin và tri thức, nhất là vào việc sử dụng nguồn nhân lực con người - là những người được đào tạo và có kỹ năng.

So với các yếu tố truyền thống thì yếu tố đặc trưng nhất của nền kinh tế tri thức là vai trò ngày càng tăng của nguồn lực con người có tri thức cao - đó là những người có kỹ năng, được đào tạo chính quy - với tính cách là lực lượng chiếm vị trí áp đảo trong nền kinh tế. Mặc dù tất cả các tài sản đầu tư về mặt vật chất và tài chính mà một xã hội công nghiệp có được đều mang ý nghĩa hết sức quan trọng, song trong nền kinh tế tri thức, tầm quan trọng của các tài sản vật chất (Physical Capital) đã giảm xuống, nhất là trong điều kiện khi những yếu tố then chốt như máy tính trở nên ngày càng rẻ hơn và mất giá, mà thay vào đó là số lượng và chất lượng của con người ngày một trở nên quan trọng.

Nếu hơn một thế kỷ trước đây (vào năm 1846), nguồn lực con người tri thức của thế giới tư bản chỉ chiếm chưa quá nửa toàn bộ tài sản của nước Anh, thì kể từ giữa thập kỷ 8 của thế kỷ XX trở đi, nhân tố này đã chiếm tới 80% tài sản của tất cả các nước tư bản chủ nghĩa phát triển.

Dưới sự tác động của cuộc cách

mạng khoa học - công nghệ hiện đại, lao động khoa học với các ngành xử lý thông tin và phải sản xuất trực tiếp đã tăng lên, lao động có kỹ năng thấp đã giảm xuống. Ngay từ năm 1955, số người làm công tác văn phòng và dịch vụ đã bắt đầu vượt trội so với công nhân sản xuất trực tiếp, tính đến năm 2000 không còn một nước tư bản chủ nghĩa phát triển nào có một lượng công nhân truyền thống làm việc trong lĩnh vực sản xuất và vận chuyển sản phẩm chiếm đến hơn 1/6 hoặc 1/8 tổng số lực lượng lao động của nước đó. Và trong thập kỷ 90 của thế kỷ trước, lao động trong khu vực dịch vụ ở hầu hết các nước tư bản chủ nghĩa phát triển đã chiếm tới 75% tổng số người làm việc và đóng góp tới 60-70% GDP. Riêng ở Mỹ, cơ cấu nghề nghiệp của xã hội thay đổi rất nhanh sau 3 thập kỷ (1960-1990). Trong khoảng thời gian này, tỷ trọng của ngành sản xuất công nghiệp chế tạo Mỹ trong GDP vẫn giữ nguyên không đổi và chỉ chiếm 22%, nhưng GDP vẫn tăng lên tới 2,5 lần (trong khoảng những năm 1970-1990). Ngược lại, trong khoảng thời gian 3 thập kỷ đó, tỷ lệ lao động của lĩnh vực sản xuất trong tổng lực lượng lao động Mỹ đã giảm từ 25% năm 1990 xuống còn 16% hoặc 17% năm 1990 và trong khoảng 10-15 năm tới, con số này còn có thể giảm xuống 12% hay thấp hơn nữa. Và ngày nay, số lao động nông nghiệp nước Mỹ chỉ chiếm 2% dân số nhưng đã sản xuất một lượng lương thực lớn nhất thế giới.

Trong khoảng những năm 1970-1990, ở Mỹ có tới khoảng 90% các việc làm mới được tạo ra trong các lĩnh vực dịch vụ tri thức và xử lý thông tin (Information - Processing and Knowledge Services), khi các lĩnh vực này ngày càng tạo ra nhiều công ăn việc làm mới, thì những công nhân làm công tác thông tin (thường được gọi là công nhân cổ trắng - White-Collar Worker) đã tăng tương đối đáng kể trong tổng lực lượng lao động. Nếu năm 1960 trong tổng lực lượng lao động của Mỹ, công nhân cổ xanh (Blue-Collar Worker) chiếm 39,7%, công nhân cổ trắng 47,1% và công nhân tạp vụ 13,2%, thì tới năm 1988, công nhân cổ xanh đã giảm xuống còn

27,7%, công nhân cổ trắng tăng lên 60,6% và công nhân tạp vụ còn 11,7%.

Ngoài ra, trong nền kinh tế thông tin còn phát triển thêm một lực lượng lao động khác nữa đó là công nhân cổ vàng (Gold-collar Worker) - đó là các cán bộ chuyên môn có trình độ đại học.

Tuy nhiên, nếu xem xét về động lực của tăng trưởng kinh tế, thì theo lý luận về các nhân tố tăng trưởng và phát triển kinh tế, động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế về cơ bản bao gồm tích lũy các yếu tố vật chất, tiến bộ kỹ thuật, thay đổi thể chế và tích lũy nguồn nhân lực. Trong mỗi giai đoạn phát triển khác nhau hoặc thời kỳ đặc thù của mỗi nước, những động lực này giữ vai trò khác nhau, kết hợp với nhau, cùng thúc đẩy kinh tế tăng trưởng và phát triển. Nửa đầu của 50 năm đầu của thế kỷ này, do ra sức phát triển công nghiệp nặng và công nghiệp hóa chất nên tích lũy các yếu tố vật chất giữ vai trò là nhân tố quan trọng hàng đầu thúc đẩy kinh tế phát triển; đồng thời, do vẫn thường xuyên có những thay đổi về thể chế trong thời kỳ quá độ, cho nên thay đổi thể chế cũng là động lực tương đối khả quan thúc đẩy kinh tế tăng trưởng.

Và theo xu thế hiện nay, nửa cuối của 50 năm đầu trong thế kỷ XXI, tiến bộ kỹ thuật và nguồn nhân lực, sẽ phối hợp với nhau trở thành động lực chủ yếu thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng và phát triển. Bởi vậy, nhất định sẽ có sự biến đổi trong các nhân tố của quá trình tăng trưởng, sự biến đổi đó cần sớm được xem xét một cách hiệu quả. Trong đó cần lưu ý rằng, tăng trưởng kinh tế do được quyết định bởi tiến bộ kỹ thuật và nguồn nhân lực, nên phát huy tốt hai nhân tố này là cần thiết cho phát triển. Trong hai nhân tố kể trên, cần đặc biệt chú trọng nhân tố sau, do đó, nửa đầu của 50 năm đầu của thế kỷ XXI phải đẩy mạnh kỹ thuật và xây dựng nguồn nhân lực, thực hiện chiến lược phát triển đất nước bằng khoa học, giáo dục, chú trọng giáo dục tố chất cho toàn dân, nâng cao tố chất khoa học kỹ thuật và văn hóa của toàn dân tộc, đặt cơ sở khoa học kỹ thuật và nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế vào nửa sau của 50 năm đầu thế kỷ XXI.

P.Q.T